

Số: 1562 /BTS-PTV

V/v công bố thông tin về  
BCTC 6ĐTN 2017 đã soát xét

Hà Nam, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn
2. Mã chứng khoán: BTS
3. Địa chỉ trụ sở chính: Xã Thanh Sơn-Huyện Kim Bảng-Tỉnh Hà Nam
4. Điện thoại: 03513.851.323; Fax: 03513.851.320-03513.852.482
5. Người thực hiện công bố thông tin

Người thực hiện công bố thông tin của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn là Bà Lê Thị Khanh - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn (Chứng minh thư nhân dân số 168136184 ngày 27/7/2011 do Công an tỉnh Hà Nam cấp, số điện thoại di động: 0915.493.942).

#### 6. Nội dung của thông tin công bố

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 đã được kiểm toán soát xét của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn được lập ngày 14/8/2017, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính;
- Văn bản giải trình lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2017.

#### 7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính

Website: vicembutson.com.vn hoặc: vicembutson.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD Cty (để b/c);
- Lưu: VT, PTV.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TL.TỔNG GIÁM ĐỐC  
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Khanh

Hà Nam, ngày 14 tháng 8 năm 2017

## GIẢI TRÌNH LỢI NHUẬN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

### I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 TĐN 2017:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo quyết toán tài chính.

(Có báo cáo đính kèm).

### II. GIẢI TRÌNH LỢI NHUẬN 6TĐN 2017:

Lợi nhuận trước thuế của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn 6 tháng đầu năm 2017 giảm so với cùng kỳ năm 2016, nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của khoản chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ, cụ thể: Tại ngày 30/6/2017 tỷ giá ngoại tệ EUR tăng so với ngày 31/12/2016 nên 6 tháng đầu năm 2017 phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá là 47,643 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn xin trân trọng báo cáo./. 



# **Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

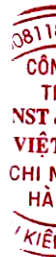
Ngày 30 tháng 6 năm 2017



# Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1- 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 42



# Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn (“Công ty”), tiền thân là Công ty Xi măng Bút Sơn, được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (“Vicem”). Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0603000105 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 1 tháng 5 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 được cấp ngày 9 tháng 1 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất và kinh doanh xi măng, đá vật liệu, gạch và các sản phẩm từ xi măng;
- ▶ Xuất khẩu xi măng và clinker;
- ▶ Khai thác đá vôi, đá sét để sản xuất và kinh doanh;
- ▶ Gia công chế biến khoáng sản, sản xuất gia công các loại phụ gia; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại xã Thanh Sơn – huyện Kim Bảng – tỉnh Hà Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Nhận	Chủ tịch	
Ông Lưu Đình Cường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 1 năm 2017
Bà Lê Thị Khanh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2017
Ông Đinh Văn Hải	Thành viên	
Ông Phạm Tuấn Long	Thành viên	
Ông Phạm Văn Toàn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	
Ông Đỗ Tiến Trình	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tân	Trưởng ban
Ông Doãn Hữu Phong	Thành viên
Ông Đặng Vũ Hải	Thành viên

# Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lưu Đình Cường	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 6 tháng 1 năm 2017
Ông Phạm Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lưu Đình Cường, Tổng Giám đốc.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:


- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Tổng Giám đốc  
Lưu Đình Cường

Hà Nam, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



Số tham chiếu: 61117541/18956558

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Đức Trường

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>928.444.812.474</b>	<b>820.037.101.658</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>79.101.034.466</b>	<b>149.924.172.454</b>
111	1. Tiền		79.101.034.466	149.924.172.454
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>4.244.000.000</b>	<b>4.244.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.244.000.000	4.244.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>336.946.769.050</b>	<b>95.454.183.484</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	301.177.045.714	33.440.144.073
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	19.959.888.033	46.477.576.306
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	15.946.886.560	15.673.514.362
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(137.051.257)	(137.051.257)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>453.195.281.923</b>	<b>545.075.568.612</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	453.195.281.923	545.075.568.612
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>54.957.727.035</b>	<b>25.339.177.108</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	42.897.602.658	3.421.912.277
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	9.559.811.824	20.453.831.260
153	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	14	2.500.312.553	1.463.433.571
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.184.543.067.352</b>	<b>3.256.276.038.234</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>9.357.562.556</b>	<b>8.501.077.977</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	9.357.562.556	8.501.077.977
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.024.298.074.174</b>	<b>3.103.473.074.606</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.023.586.656.508	3.103.473.074.606
222	Nguyên giá		6.427.150.885.512	6.372.233.021.058
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.403.564.229.004)	(3.268.759.946.452)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	711.417.666	-
228	Nguyên giá		2.086.300.000	1.236.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.374.882.334)	(1.236.000.000)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>69.967.118.579</b>	<b>59.108.242.119</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	69.967.118.579	59.108.242.119
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>80.920.312.043</b>	<b>85.193.643.532</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	80.920.312.043	85.193.643.532
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.112.987.879.826</b>	<b>4.076.313.139.892</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

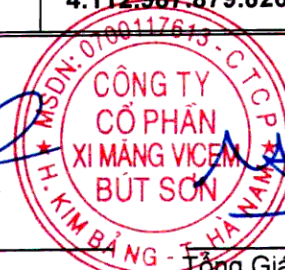
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.779.325.083.130</b>	<b>2.709.630.238.221</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.847.016.005.344</b>	<b>1.688.883.579.203</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	381.342.765.515	294.124.778.399
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	13.657.447.289	69.025.218.164
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.778.645.244	15.190.220.706
314	4. Phải trả người lao động		2.149.059.106	49.678.668.517
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	31.745.987.704	18.642.752.360
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	7.328.193.512	5.200.293.172
320	7. Vay ngắn hạn	18	1.403.033.850.174	1.237.021.647.885
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	3.980.056.800	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>932.309.077.786</b>	<b>1.020.746.659.018</b>
338	1. Vay dài hạn	18	926.979.757.519	1.015.845.581.041
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		5.329.320.267	4.901.077.977
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.333.662.796.696</b>	<b>1.366.682.901.671</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>1.333.662.796.696</b>	<b>1.366.682.901.671</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.090.561.920.000	1.090.561.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.090.561.920.000	1.090.561.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.085.114.000	45.085.114.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		108.074.249.163	99.562.542.163
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		89.941.513.533	131.473.325.508
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		84.599.415.708	129.005.655
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		5.342.097.825	131.344.319.853
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.112.987.879.826</b>	<b>4.076.313.139.892</b>



Người lập  
Cô Thị Thu Hiền



Kế toán trưởng  
Lê Thị Khanh



  
Tổng Giám đốc  
Lưu Đình Cường

Hà Nam, Việt Nam


Ngày 14 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	1.579.492.760.528	1.639.663.916.477
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	1.579.492.760.528	1.639.663.916.477
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(1.346.331.289.970)	(1.356.543.930.397)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		233.161.470.558	283.119.986.080
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	385.943.869	2.687.041.573
22	7. Chi phí tài chính	23	(119.989.619.108)	(70.971.054.979)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(68.387.495.027)	(61.502.395.983)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(50.952.606.093)	(63.300.008.619)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(56.739.175.449)	(61.998.644.342)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.866.013.777	89.537.319.713
31	11. Thu nhập khác	24	1.675.602.233	1.580.688.647
32	12. Chi phí khác	24	(425.292.498)	(188.461.139)
40	13. Lợi nhuận khác	24	1.250.309.735	1.392.227.508
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.116.323.512	90.929.547.221
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	(1.581.025.687)	(18.620.317.761)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.535.297.825	72.309.229.460
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28		51 470
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28		51 470

  
Người lập  
Cô Thị Thu Hiền

  
Kế toán trưởng  
Lê Thị Khanh

  
Tổng Giám đốc  
Lưu Đình Cường



Hà Nam, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>7.116.323.512</b>	<b>90.929.547.221</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		134.943.164.886	129.937.456.241
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		47.643.624.314 (385.943.869)	6.707.888.288 (2.099.525.843)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		68.387.495.027	61.502.395.983
06	Chi phí lãi vay	23		
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>257.704.663.870</b>	<b>286.977.761.890</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(232.491.929.691)	(302.436.079.706)
10	Giảm hàng tồn kho		91.880.286.689	58.106.927.753
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(77.429.537.699)	62.560.739.329
12	Tăng chi phí trả trước		(35.202.358.892)	(7.567.697.707)
14	Tiền lãi vay đã trả		(66.077.449.046)	(63.628.881.805)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.098.676.954)	(4.114.381.956)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	14	(193.200.000)	(147.567.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(76.908.201.723)</b>	<b>29.750.820.798</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(24.302.828.236)	(45.384.379.079)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(5.708.589.372)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		385.943.869	2.099.525.843
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(23.916.884.367)</b>	<b>(48.993.442.608)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		1.243.846.510.930	1.084.821.202.244
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.213.829.854.528)	(1.147.649.859.022)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14.708.300)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		<b>30.001.948.102</b>	<b>(62.828.656.778)</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		<b>(70.823.137.988)</b>	<b>(82.071.278.588)</b>
60	Tiền đầu kỳ		<b>149.924.172.454</b>	<b>136.883.098.719</b>
70	Tiền cuối kỳ	<b>4</b>	<b>79.101.034.466</b>	<b>54.811.820.131</b>



Người lập  
Cổ Thị Thu Hiền



Kế toán trưởng  
Lê Thị Khanh



Tổng Giám đốc  
Lưu Đình Cường

Hà Nam, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn (“Công ty”), tiền thân là Công ty Xi măng Bút Sơn, được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (“Vicem”). Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0603000105 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 1 tháng 5 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 được cấp ngày 09 tháng 01 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất và kinh doanh xi măng, đá vật liệu, gạch và các sản phẩm từ xi măng;
- ▶ Xuất khẩu xi măng và clinker;
- ▶ Khai thác đá vôi, đá sét để sản xuất và kinh doanh;
- ▶ Gia công chế biến khoáng sản, sản xuất gia công các loại phụ gia; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty có trụ sở chính tại xã Thanh Sơn – huyện Kim Bảng – tỉnh Hà Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.363 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.372 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ đối với nguyên vật liệu chính và thành phẩm để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	- chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với công cụ, dụng cụ và hàng hóa thương mại, Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định dựa trên chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh giá trị lớn; và
- ▶ Các chi phí trả trước khác.

#### 3.9 Các khoản đầu tư

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	4.072.865.784	3.122.290.915
Tiền gửi ngân hàng	75.028.168.682	146.801.881.539
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>79.101.034.466</u></b>	<b><u>149.924.172.454</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	4.244.000.000	4.244.000.000	4.244.000.000	4.244.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.244.000.000</b>	<b>4.244.000.000</b>	<b>4.244.000.000</b>	<b>4.244.000.000</b>

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công, có kỳ hạn 1 năm với lãi suất là 6%/năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	300.417.265.714	31.413.207.962
- Công ty TNHH Việt Đức	18.819.303.500	-
- Công ty TNHH Vận tải Phúc Vinh	14.593.975.241	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	38.271.164.626	-
- Công ty TNHH Trường Hải	37.118.077.441	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà - Việt Đức	29.308.478.520	15.009.169.520
- Công ty TNHH Phú Thái	20.274.926.054	-
- Công ty TNHH Vĩnh Phước	29.611.932.373	-
- Công ty TNHH Đức Thảo	18.260.496.799	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Phúc Minh	-	9.991.394.231
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Đức Trung	13.003.260.180	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Hải Anh	8.706.005.170	-
- Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Hương Bồng	6.738.838.150	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Linh Trang	5.749.496.820	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	59.961.310.840	6.412.644.211
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	759.780.000	2.026.936.111
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>301.177.045.714</b>	<b>33.440.144.073</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(137.051.257)	(137.051.257)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**  
(tiếp theo)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH Hệ thống điện Công nghiệp	2.311.810.400	-	22.470.794.588	-
- Công ty TNHH SIAM VINA	10.840.215.041	-	8.722.103.696	-
- Các khoản trả trước khác	6.807.862.592	-	15.284.678.022	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.959.888.033</b>	<b>-</b>	<b>46.477.576.306</b>	<b>-</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu tiền điện, nước	757.995.282	-	792.893.130	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.497.462.660	-	764.345.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	13.691.428.618	-	14.116.276.232	-
	<b>15.946.886.560</b>	<b>-</b>	<b>15.673.514.362</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>				
Ký quỹ dài hạn chi phí cải tạo môi trường	5.757.562.556	-	4.901.077.977	-
Ký quỹ dài hạn dự án xây dựng cảng Bút Sơn	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-
	<b>9.357.562.556</b>	<b>-</b>	<b>8.501.077.977</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.304.449.116</b>	<b>-</b>	<b>24.174.592.339</b>	<b>-</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	245.639.528.848	-	327.382.153.713	-
Công cụ, dụng cụ	360.787.511	-	617.478.526	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	160.396.939.982	-	171.994.651.055	-
Thành phẩm	45.909.612.595	-	45.081.285.318	-
Hàng gửi bán	888.412.987	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>453.195.281.923</b>	<b>-</b>	<b>545.075.568.612</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.581.611.556.488	4.680.552.008.644	92.466.838.959	17.602.616.967	6.372.233.021.058
- Mua trong kỳ	2.100.865.630	3.012.384.000	834.545.455	110.250.000	6.058.045.085
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.318.294.526	41.541.524.843	-	-	48.859.819.369
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>1.591.030.716.644</u>	<u>4.725.105.917.487</u>	<u>93.301.384.414</u>	<u>17.712.866.967</u>	<u>6.427.150.885.512</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>24.092.310.915</i>	<i>116.417.275.104</i>	<i>77.416.057.323</i>	<i>5.063.748.131</i>	<i>222.989.391.473</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	539.592.404.752	2.634.385.292.409	87.704.346.411	7.077.902.880	3.268.759.946.452
- Khấu hao trong kỳ	23.249.143.789	109.465.468.331	886.286.700	1.203.383.732	134.804.282.552
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>562.841.548.541</u>	<u>2.743.850.760.740</u>	<u>88.590.633.111</u>	<u>8.281.286.612</u>	<u>3.403.564.229.004</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>1.042.019.151.736</u>	<u>2.046.166.716.235</u>	<u>4.762.492.548</u>	<u>10.524.714.087</u>	<u>3.103.473.074.606</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>1.028.189.168.103</u>	<u>1.981.255.156.747</u>	<u>4.710.751.303</u>	<u>9.431.580.355</u>	<u>3.023.586.656.508</u>

Công ty đã sử dụng các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 19*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Phần mềm máy tính</i>	
<b>Nguyên giá:</b>		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016		1.236.000.000
- Mua trong năm		850.300.000
		<u>2.086.300.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017		<u>2.086.300.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016		1.236.000.000
- Hao mòn trong năm		138.882.334
		<u>1.374.882.334</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017		<u>1.374.882.334</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016		-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017		<u><u>711.417.666</u></u>

**11. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mỏ đá sét Ba Sao	30.010.725.886	32.253.575.409
- Chi phí cải tạo, nâng cấp TSCĐ	25.829.527.447	14.181.375.661
- Công trình khác	14.126.865.246	12.673.291.049
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>69.967.118.579</b></u>	<u><b>59.108.242.119</b></u>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Thuê hoạt động tài sản cố định	600.000.000	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.003.184.943	1.872.211.593
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	22.027.918.462	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	19.266.499.253	1.549.700.684
	<u><b>42.897.602.658</b></u>	<u><b>3.421.912.277</b></u>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	23.940.904.393	23.657.179.811
Giá trị quyền sử dụng đất	9.017.100.471	9.491.684.706
Công cụ, dụng cụ	26.600.284.904	29.597.419.319
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.362.022.275	22.447.359.696
	<u><b>80.920.312.043</b></u>	<u><b>85.193.643.532</b></u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>123.817.914.701</b></u>	<u><b>88.615.555.809</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả ngắn hạn cho người bán	180.479.483.921	180.479.483.921	99.282.839.460	99.282.839.460
- Công ty TNHH Vận tải Phúc Vinh	11.753.115.360	11.753.115.360	-	-
- Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh	13.932.316.037	13.932.316.037	709.170.687	709.170.687
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Linh Trang	28.280.463.189	28.280.463.189	9.453.163.632	9.453.163.632
- Công ty Điện lực Hà Nam	18.775.034.586	18.775.034.586	7.926.733.430	7.926.733.430
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Khoáng sản Hồng Sơn	22.805.031.982	22.805.031.982	13.122.643.209	13.122.643.209
- Phải trả đối tượng khác	84.933.522.767	84.933.522.767	68.071.128.502	68.071.128.502
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	200.863.281.594	200.863.281.594	194.841.938.939	194.841.938.939
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>381.342.765.515</b>	<b>381.342.765.515</b>	<b>294.124.778.399</b>	<b>294.124.778.399</b>

**13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

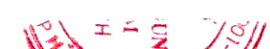
Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9.232.926.158	63.951.156.833
- Công ty TNHH Phú Thái	-	5.570.438.150
- Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	-	11.701.128.074
- Công ty TNHH Trường Hải	-	7.389.385.249
- Công ty TNHH Vận tải Phúc Vinh	-	9.433.728.314
- Công ty TNHH Vàng bạc và Thương mại Dịch vụ Tiến Lực	2.965.103.298	3.409.114.598
- Người mua khác trả tiền trước	6.267.822.860	26.447.362.448
Các bên liên quan trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 27)	4.424.521.131	5.074.061.331
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.657.447.289</b>	<b>69.025.218.164</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	30.658.682.051	(30.658.682.051)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.017.338.714	1.581.025.687	(12.598.364.401)	-
Thuế tài nguyên	2.605.087.723	12.875.399.127	(13.376.936.233)	2.103.550.617
Phí bảo vệ môi trường	1.567.794.269	8.567.704.458	(8.937.635.715)	1.197.863.012
Thuế nhà đất, tiền thuê đất và các loại thuế khác	-	5.919.661.104	(5.442.429.489)	477.231.615
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.190.220.706</b>	<b>59.602.472.427</b>	<b>(71.014.047.889)</b>	<b>3.778.645.244</b>
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	20.453.831.260	117.687.779.750	(128.581.799.186)	9.559.811.824
Thuế thu nhập cá nhân	1.463.433.571	-	(1.463.433.571)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.500.312.553	-	2.500.312.553
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.917.264.831</b>	<b>120.188.092.303</b>	<b>(130.045.232.757)</b>	<b>12.060.124.377</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí sửa chữa	9.616.702.937	352.985.489
Mua nguyên vật liệu	3.636.161.000	8.217.000
Trích trước lãi tiền vay	15.367.100.232	12.543.152.302
Trích trước chi phí bán hàng	1.455.098.767	2.187.507.026
Các khoản khác	1.670.924.768	3.550.890.543
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>31.745.987.704</u></b>	<b><u>18.642.752.360</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí phải trả	27.452.782.224	17.343.474.582
Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	4.293.205.480	1.299.277.778

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Cổ tức phải trả cho cổ đông	415.817.900	430.526.200
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	4.088.009.991	2.990.657.857
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.824.365.621	1.779.109.115
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.328.193.512</u></b>	<b><u>5.200.293.172</u></b>

**17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	-	-
Trích quỹ trong kỳ ( <i>Thuyết minh số 19</i> )	38.362.202.800	-
Sử dụng quỹ trong kỳ	(34.382.146.000)	-
Số cuối kỳ	<u>3.980.056.800</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>		<i>Số phát sinh trong kỳ</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn ngân hàng	997.345.483.861	997.345.483.861	1.140.846.510.930	(1.063.991.772.516)	1.074.200.222.275	1.074.200.222.275
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	-	-	60.000.000.000	(30.000.000.000)	30.000.000.000	30.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	239.676.164.024	239.676.164.024	178.995.545.887	(119.838.082.012)	298.833.627.899	298.833.627.899
	<b>1.237.021.647.885</b>	<b>1.237.021.647.885</b>	<b>1.379.842.056.817</b>	<b>(1.213.829.854.528)</b>	<b>1.403.033.850.174</b>	<b>1.403.033.850.174</b>
Vay dài hạn						
Vay dài hạn các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	246.000.000.000	246.000.000.000	-	-	246.000.000.000	246.000.000.000
Vay ngân hàng dài hạn	769.845.581.041	769.845.581.041	90.129.722.365	(178.995.545.887)	680.979.757.519	680.979.757.519
	<b>1.015.845.581.041</b>	<b>1.015.845.581.041</b>	<b>90.129.722.365</b>	<b>(178.995.545.887)</b>	<b>926.979.757.519</b>	<b>926.979.757.519</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.252.867.228.926</b>	<b>2.252.867.228.926</b>	<b>1.469.971.779.182</b>	<b>(1.392.825.400.415)</b>	<b>2.330.013.607.693</b>	<b>2.330.013.607.693</b>





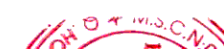
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	294.325.577.413	-	Thời hạn vay cho mỗi hợp đồng tín dụng cụ thể không quá 6 tháng. Hợp đồng tín dụng cuối cùng vào ngày 30 tháng 6 năm 2017. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng.	Lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng của Ngân hàng, lãi suất trong kỳ từ 5% - 5,5%/năm	Khoản vay được thế chấp bằng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải theo hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số 01/05/HĐTC ngày 5 tháng 10 năm 2005. Giá trị tài sản thế chấp được Ngân hàng định giá là 500 tỷ đồng Việt Nam và giá trị tài sản được Ngân hàng xác định lại vào ngày 31 tháng 5 năm 2014 là: 141,4 tỷ đồng Việt Nam.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	448.797.102.219	-	Thời hạn vay cho mỗi giấy nhận nợ không quá 6 tháng. Giấy nhận nợ cuối cùng vào ngày 7 tháng 6 năm 2017. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng.	Lãi suất theo thông báo của ngân hàng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong kỳ từ 5%-5,5%/năm	Tin chấp



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)**

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công	237.938.474.852	-	Thời hạn vay cho mỗi giấy nhận nợ không quá 6 tháng. Giấy nhận nợ cuối cùng vào ngày 29 tháng 6 năm 2017. Lãi vay trả vào ngày 26 hàng tháng.	Lãi suất 5,1-5,4%/năm	Hình thức vay là thế chấp quyền đòi nợ đối với các khoản phải thu và các khoản bồi hoàn, thanh toán khác. Ngoài ra, khoản vay được thế chấp bởi phương tiện vận tải theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/TCTS/1764274 ngày 15 tháng 9 năm 2016, giá trị tài sản thế chấp là 14,5 tỷ đồng Việt Nam; bởi dây chuyền máy đúc gạch bê tông đồng bộ theo Hợp đồng thế chấp số 02/2016/TCTS/1764274 ngày 15 tháng 9 năm 2016, giá trị tài sản thế chấp là 2,3 tỷ đồng Việt Nam.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Hà Nam	53.383.647.641	-	Thời hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 4 tháng. Khế ước nhận nợ cuối cùng vào ngày 30 tháng 5 năm 2017. Lãi vay trả vào ngày 10 hàng tháng.	Lãi suất theo thông báo của ngân hàng theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất trong kỳ từ 5,1%-5,6%/năm.	Hình thức vay là thế chấp quyền đòi nợ đối với các khoản phải thu và hàng tồn kho.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam	39.755.420.150	-	Thời hạn vay cho mỗi giấy nhận nợ không quá 6 tháng. Giấy nhận nợ cuối cùng vào ngày 19 tháng 6 năm 2017. Lãi vay trả vào ngày 26 hàng tháng.	Lãi suất theo thông báo của ngân hàng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong kỳ từ 5,1 – 5,4%/năm	Khoản vay được đảm bảo bởi tài sản cầm cố là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01//2015/HĐTGVND ngày 26 tháng 8 năm 2015 tại Ngân hàng Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công trị giá 4,2 tỷ đồng Việt Nam.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.074.200.222.275</u></b>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)**

**18.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Nguyên tệ (EUR)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Societe General Pháp - Chi nhánh Tokyo	26.190.740.634	1.013.025	Thanh toán nợ gốc và lãi vào ngày 31 tháng 5 và 30 tháng 11 hàng năm. Ngày trả nợ cuối cùng là 31 tháng 5 năm 2020.	EURIBOR 6 tháng + 1,9%/năm. Lãi suất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1,9%/năm.	Bộ Tài chính bảo lãnh với phí bảo lãnh là 0,25%/năm.
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>8.730.247.899</i>	<i>337.675</i>			
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	43.000.000.000	-	Trả gốc vay 3 tháng một lần vào các tháng 3, 6, 9, 12. Ngày trả nợ cuối cùng là 31 tháng 3 năm 2021.	Lãi suất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 9,16%/năm	Thế chấp hệ thống điều khiển dây chuyền I; vô hộp giảm tốc máy nghiền xi măng dây chuyền II.
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>13.437.500.000</i>	<i>-</i>			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	351.000.000.000	-	Trả nợ gốc 3 tháng một lần vào các tháng 1, 4, 7, 10. Lãi vay trả ngày 26 hàng tháng. Ngày trả nợ cuối cùng là 6 tháng 8 năm 2020.	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 5,0%/năm. Lãi suất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 9,5%/năm.	Tín chấp
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>90.000.000.000</i>				
Ngân hàng JBIC Nhật Bản	345.213.130.569	13.352.407	Thanh toán nợ gốc và lãi vào ngày 22 tháng 2 và 22 tháng 8 hàng năm. Ngày trả nợ cuối cùng là 23 tháng 2 năm 2020.	Lãi suất 4,83%/năm + phí bảo hiểm rủi ro tín dụng 2,11%/năm.	Bộ Tài chính bảo lãnh với phí bảo lãnh là 0,25%/năm.
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>115.133.032.671</i>	<i>4.453.200</i>			
Ngân hàng JBIC Nhật Bản	214.409.514.215	8.293.089	Thanh toán nợ gốc và lãi vào ngày 22 tháng 2 và 22 tháng 8 hàng năm. Ngày trả nợ cuối cùng là 23 tháng 2 năm 2020.	Lãi suất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 0,00%/năm.	Bộ Tài chính bảo lãnh với phí bảo lãnh là 0,25%/năm.
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>71.532.847.329</i>	<i>2.766.800</i>			
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>979.813.385.418</b>				
<i>Trong đó:</i>					
- Vay dài hạn đến hạn trả	298.833.627.899				
- Vay dài hạn	680.979.757.519				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.090.561.920.000	45.085.114.000	99.562.542.163	458.057.109	1.235.667.633.272
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	72.309.229.460	72.309.229.460
- Giảm khác	-	-	-	(147.567.000)	(147.567.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>1.090.561.920.000</u>	<u>45.085.114.000</u>	<u>99.562.542.163</u>	<u>72.619.719.569</u>	<u>1.307.829.295.732</u>
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.090.561.920.000	45.085.114.000	99.562.542.163	131.473.325.508	1.366.682.901.671
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	5.535.297.825	5.535.297.825
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	8.511.707.000	(8.511.707.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(38.362.202.800)	(38.362.202.800)
- Giảm khác	-	-	-	(193.200.000)	(193.200.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>1.090.561.920.000</u>	<u>45.085.114.000</u>	<u>108.074.249.163</u>	<u>89.941.513.533</u>	<u>1.333.662.796.696</u>

(\*) Việc trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2016 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 713/BTS-HĐQT ban hành ngày 20 tháng 4 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Chi tiết cổ phiếu của chủ sở hữu Công ty như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn đầu tư của Nhà nước	867.157.460.000	867.157.460.000	867.157.460.000	867.157.460.000
Vốn góp cổ đông khác	223.404.460.000	223.404.460.000	223.404.460.000	223.404.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	45.085.114.000	45.085.114.000	45.085.114.000	45.085.114.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.135.647.034.000</b>	<b>1.135.647.034.000</b>	<b>1.135.647.034.000</b>	<b>1.135.647.034.000</b>

**19.3 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Số lượng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Số lượng
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>109.056.192</b>	<b>109.056.192</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>109.056.192</b>	<b>109.056.192</b>
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	109.056.192	109.056.192
Cổ phiếu phổ thông	109.056.192	109.056.192
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>109.056.192</b>	<b>109.056.192</b>
Cổ phiếu phổ thông	109.056.192	109.056.192
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**19.4 CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	9.968	9.979
- Euro (EUR)	63	62

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.579.492.760.528</b>	<b>1.639.663.916.477</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>		
- Xi măng	1.449.855.921.240	1.458.148.525.180
- Clinker	106.274.749.503	154.315.995.717
- Sản phẩm khác	23.362.089.785	27.199.395.580
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<i>Chiết khấu thương mại</i>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.579.492.760.528</b>	<b>1.639.663.916.477</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	1.471.624.403.090	1.461.694.671.424
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	107.868.357.438	177.969.245.053

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	385.943.869	2.099.525.843
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	587.515.730
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>385.943.869</b>	<b>2.687.041.573</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Giá vốn xi măng	1.200.736.239.395	1.174.253.471.579
Giá vốn clinker	127.287.050.303	161.446.819.714
Giá vốn sản phẩm khác	18.308.000.272	20.843.639.104
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.346.331.289.970</b>	<b>1.356.543.930.397</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
Chi phí vận chuyển	3.410.228.542	11.306.532.068
Phí chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường	8.348.305.859	9.401.383.946
Tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp	9.549.455.503	9.374.957.778
Chi phí bán hàng khác	29.644.616.189	33.217.134.827
	<b>50.952.606.093</b>	<b>63.300.008.619</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp	10.636.086.075	10.690.712.952
Phí tư vấn quản trị	8.348.305.859	9.401.383.946
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.662.775.460	4.219.017.860
Chi phí hội nghị, tiếp khách	11.049.899.542	5.271.669.180
Chi phí vật liệu quản lý	2.343.089.906	1.948.124.917
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	19.699.018.607	30.467.735.487
	<b>56.739.175.449</b>	<b>61.998.644.342</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>107.691.781.542</b>	<b>125.298.652.961</b>

**23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền vay	68.387.495.027	61.502.395.983
Lỗ chênh lệch tỷ giá (*)	49.517.114.421	6.807.719.720
Chiết khấu thanh toán	1.260.216.800	1.679.309.900
Chi phí tài chính khác	824.792.860	981.629.376
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>119.989.619.108</b>	<b>70.971.054.979</b>

(\*) Chủ yếu bao gồm lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản vay có gốc Euro tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 47,6 tỷ đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.675.602.233</b>	<b>1.580.688.647</b>
Thu nhập từ phí cầu cảng	244.139.893	352.950.868
Thu nhập khác	1.431.462.340	1.227.737.779
<b>Chi phí khác</b>	<b>425.292.498</b>	<b>188.461.139</b>
Chi phí khác	425.292.498	188.461.139
<b>LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC</b>	<b>1.250.309.735</b>	<b>1.392.227.508</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	879.476.857.484	832.581.535.895
Chi phí nhân công	90.303.810.924	102.792.608.645
Chi phí khấu hao và hao mòn	134.943.164.886	129.937.456.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	310.599.076.193	330.107.288.597
Chi phí khác	28.819.191.216	48.305.474.266
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.444.142.100.703</b>	<b>1.443.724.363.644</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.581.025.687	18.620.317.761
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.581.025.687</b>	<b>18.620.317.761</b>

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.116.323.512</b>	<b>90.929.547.221</b>
<i>Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty</i>	1.423.264.702	18.185.909.444
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>		
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	65.625.816	-
Chi phí không được khấu trừ khác	92.135.169	434.408.317
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>1.581.025.687</b>	<b>18.620.317.761</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua than cám Bán clinker	265.342.742.079 -	220.181.546.681 9.847.754.092
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Bán clinker Chi phí hỗ trợ, chuyển giao bí quyết tiêu thụ sản phẩm và quản trị doanh nghiệp (*) Mua thạch cao Lãi vay Chi phí vận chuyển, thẩm định, cảng vụ clinker xuất khẩu	14.487.093.725 16.696.611.718 35.613.185.417 8.539.232.877 3.350.570.247	31.292.851.406 18.802.767.892 33.273.796.555 - 6.149.353.746
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	69.137.600.000	53.087.500.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	1.320.000.000	6.380.000.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua xi măng gia công	72.422.052.182	43.788.891.076
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Bán xi măng	92.690.554.623	103.302.378.200
Nhà máy Vật liệu chịu lửa kiểm tính – Công ty TNHH MTV Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua gạch chịu lửa	2.482.603.200	2.688.714.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Doanh thu gia công xi măng	-	15.973.510.448
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Bán clinker	-	8.102.705.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Bán xi măng	690.709.090	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Doanh thu gia công	-	9.450.045.450
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua thạch cao Oman	-	4.693.675.636
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Thiết kế bản vẽ thi công mở sét Ba Sao	-	1.128.076.182
		Chi phí giám sát thi công và lắp đặt mạng nội bộ	88.883.636	-
Viện Công nghệ Xi măng VICEM	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Chi phí đào tạo	389.200.000	433.440.000

(\*) Theo Hợp đồng Tư vấn Quản trị Doanh nghiệp số 2117/Vicem-HĐKT, Hợp đồng Tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường số 2116/Vicem-HĐKT ngày 31 tháng 12 năm 2013 cùng các phụ lục kèm theo được ký kết giữa Công ty và Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty"), Công ty sẽ trả tổng khoản phí hàng kỳ 6 tháng 1 lần cho từng hợp đồng là 0,1% doanh thu tiêu thụ clinker và 0,6% doanh thu tiêu thụ xi măng (không phân biệt tiêu thụ trong hay ngoài VICEM). Theo đó, Tổng Công ty sẽ tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao cho Công ty bí quyết quản trị doanh nghiệp, phát triển thị trường nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty đã ghi nhận các khoản chi phí nêu trên vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường trừ đi chiết khấu hàng bán theo chính sách bán hàng của Công ty. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá thông thường trên thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i></b>				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Thanh lý xe	-	90.512.111
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Bán xi măng	-	1.936.424.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Bán xi măng	759.780.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>759.780.000</u></b>	<b><u>2.026.936.111</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b> (Thuyết minh số 13.1)				
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua xi măng	4.875.298.800	42.845.684.500
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Tư vấn, lập dự án	976.607.000	976.607.000
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua than cám	80.581.344.578	93.080.345.475
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua thạch cao OMAN	325.000.000	325.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua đục gạch	19.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua cát tiêu chuẩn ISO	-	169.636.500
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Dây hàn, xây gạch chịu lửa lò nung	-	212.068.396
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí tư vấn, hỗ trợ và mua thạch cao	71.408.256.047	36.390.583.337
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	140.795.250	9.319.560.250
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	41.532.979.919	9.218.453.481
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua gạch chịu lửa	4.000.000	4.000.000
Nhà máy Vật liệu chịu lửa kiểm tính – Công ty TNHH MTV Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Mua gạch chịu lửa	1.000.000.000	2.300.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>200.863.281.594</b>	<b>194.841.938.939</b>

**Người mua trả tiền trước ngắn hạn** (Thuyết minh số 13.2)

Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Đơn vị thành viên của Tổng Công ty	Bán xi măng	4.424.521.131	5.074.061.331
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>4.424.521.131</b>	<b>5.074.061.331</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</b>				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Lãi vay	4.293.205.480	1.299.277.778
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>4.293.205.480</b>	<b>1.299.277.778</b>
<b>Vay (Thuyết minh số 19)</b>				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (*)	Công ty mẹ	Vay dài hạn	246.000.000.000	246.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>246.000.000.000</b>	<b>246.000.000.000</b>

(\*) Đây là khoản vay từ Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam trong 24 tháng, thanh toán lãi vay vào ngày 15 của đầu quý tiếp theo, lãi suất 7%/ năm.

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lương và thưởng	2.574.448.715	1.657.803.833
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.574.448.715</b>	<b>1.657.803.833</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Trình bày lại)</i>	
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.535.297.825	72.309.229.460
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	21.065.089.778
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>5.535.297.825</b>	<b>51.244.139.682</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	109.056.192	109.056.192
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>109.056.192</b>	<b>109.056.192</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	51	470
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	51	470

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 713/BTS-HĐQT ban hành ngày 20 tháng 4 năm 2017, Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm trước, theo đó Công ty đã trình bày lại thuyết minh lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

**Cam kết tiền thuê đất**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đảm 201 t	8.680.196.665	8.211.882.925
Trên 1 - 5 năm	35.717.075.806	32.847.531.700
Trên 5 năm	<u>154.901.995.650</u>	<u>151.113.094.577</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>199.299.268.121</u></b>	<b><u>192.172.509.202</u></b>

**Nợ tiềm tàng về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ đất sét của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của Công ty.

Mặt khác, theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 1 năm 2014 và trong thời gian Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến, chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết năm 2013 trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nợ tiềm tàng về thuế tài nguyên theo Thông tư 152/2015/TT-BTC**

Công ty có nghĩa vụ phải tính và nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên ("Thông tư 152") kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại Thông tư 152, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý nhà nước về cách xác định chi phí chế biến, để làm cơ sở xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của Thông tư 152. Do đó, cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty hiện đang áp dụng giá tính thuế theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành theo Quyết định 900/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2014 và Công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương nếu phải áp dụng giá tính thuế mới.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

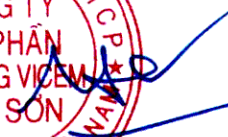
Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Người lập  
Cổ Thị Thu Hiền



Kế toán trưởng  
Lê Thị Khanh



Tổng Giám đốc  
Lưu Đình Cường



Hà Nam, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017